

Unit 21

WHO gets your breakfast? – My mother does • Who can drive a plane? – I can/Me • Who will come tonight? – Mr X and Mr Y will – Who else? – Possibly Mrs X as well • Who's there? – Me? – It's me – Is that you, Lan? Come right in • Excuse me, but who are you?

Who doesn't know that the sun rises in the east and sets in the west? • He may be a secret agent, who knows?

WHOM <Who> do you often meet on the street? – Mr X, my neighbor • Who (m) does she want to marry? – I have no idea (of it).

WHAT is useful for your work? – English (is) • What is it necessary to learn English well? • What's for dessert? – Black coffee • What do you fancy for supper, Lan? – Some spaghetti, and some fruit • Let's go to the seaside. What do you think? – Good idea. Let's • What is there in front of the house? – A flower booth and a telephone booth/box • What will there be for lunch today? – Just some bread and some soup • What's on Channel 1 tonight? •

What exactly is the difference between the two? What will you have? I'll have a steak, potatoes, mushrooms, and peas • What's the result? – Equal to zero

What time do you leave for work? – Normally I'm not back home till/until/before it is (already) completely dark.

What day is today? – Today is Friday • What date is today? (It's) The 7th (of August) (today). August 7th

WHICH do you prefer to speak today, English or French? • Which is your car? – Neither • Beef or pork, which do you prefer? – I prefer beef to pork • Which do you prefer, travel alone or book a tour? • I can not make a difference between the two brothers. Which is taller? John or Jack?

Which foreign language do they learn at school? • Which languages do you know besides English?

Which button do I press to turn the radio on?

'Which do you like?' 'Neither. I think they're both ugly.'

WHOSE phone is this? • Whose turn is it to clean the room? • Whose side are you on?

WHEN can I come to see you? – Normally I'm available in the evening.

When is your birthday? – It's on the 25th of February.

When is the rent due? – In three days.

About when will they come back here, please? – Between June and August.

He will go to London to perfect his English; I don't know (exactly) when.

There'll be a farewell party – When is it? – Maybe tomorrow evening.

What's the first thing you do when you get out of bed?

WHERE is/Where's the baby? – It is on the carpet. It has a new toy • Where am I? • Where do you live? – (I live) on No 7, Bach Mai street • Where are you, Jim? – Over here. Be quick (...)

Take care/Watch out/Mind your step/head down

I know that she lives on this street; but I don't know exactly where.

Where can I put my backpack? – Put it right here, on this bed.

Excuse me, where's the bathroom?

WHY are you silent? Say something! • Why don't we take a break now? •

Why do kids ask so many questions? • Why will you push me like this? – Sorry. I just want to have a look •



---Deepen your knowledge & speak good English---
"DeepenEnglish.com"

Why do people fear death? • Why don't you take off your shoes, sit down and relax? • He never comes to see his friends; I don't know why •

Why can't you admit you're wrong? • Why should I say sorry when it's not my fault?

HOW does his wife speak French? – Perfectly • How do you spell your name, please? – H.O.A
- What does your name mean? • That's easy to say. But how can you do it?

How can I **get** to Green street? – Take the second turning on the left **after the traffic lights**.

How long is this road? – Some ten kilometers, Mister/Missis • How long can you wait? – Two days at the maximum • How tall is he? – He's six feet tall.

How are you today? – I'm ok. And you? – I'm fine. How's your wife? – She's fine, thanks •

How is your car? – Oh, it runs well and takes little petrol • He is – How shall I say it? – A weird man.

How often does she come to see you? – Once in a while.

How old are you? – I'm 25 • By the way, how old is she? She's er/um 32.

How do you get to office/school?

How long does it take? About 20 minutes • How long does it take to learn a language? About a year • How long will it take to fix it up? Half an hour •

How much does it cost to buy an apartment in Hanoi?

• How much do you weigh?/How heavy are you? – Can you guess? (...) 45 kilos – Actually I weigh 55 kilos – No way •

How much (money) do you make, if-not a secret? • How far is your house from the bus station?

Unit 22

I

This is a novel in English – What (is it) about? – It's about love and marriage – Who is it by?/Who by? – It's by an American writer. I don't like it very much. – Why?

What about dinner at my place next Saturday? • I think this is a good idea. What about you?

• Can I have the day off tomorrow? – What for?

I will buy some berries – What for?

I hate hot. How about you? – Me too • Have some cheese – I don't like it – How about butter? – I don't like butter, either.

I usually get up at five in the morning – Why so early? – My office is a long way from my house.

The rain is over. Let's go – The show won't begin till/until/before eight. So why hurry?

Why not relax and enjoy the atmosphere? • Why not take a few days off?

What if he **asks for** the money?

What if we're a little late?

II

He's a cop – A what? – Well, a policeman.

He smokes weed– smokes what?

We must meet and talk about this matter – Okay. Where and when?

Lana won't like it, you know. – So what?

rise /raɪz/ [Vi]: lên, lên cao, dâng lên, mọc (mặt trời) <> **set** /set/ [Vi]: lặn/ lên đường → set out • **agent** /'eɪdʒənt/ [C]: nhân viên (trong ngành cảnh sát) • **secret** /'si:krət/ [U]: sự bí mật [C]: điều bí mật [adj]: bí mật • **surprise** /sə'praɪz/ [Vt]: làm ngạc nhiên • **patient** /'peɪfnt/ [adj]: kiên nhẫn [C]: bệnh nhân → be ~: dùng sốt ruột • **tie** /taɪ/ [C]: cái nút thắt [Vt]: thắt nút [C]: cà vạt/nơ • **neck** /nek/ [C]: cổ • **magazine** /,mæɡə'zi:n/ [C]: tạp chí • **travel** /'trævl/ [Vt] [Vi] [C]: sự đi lại, di chuyển, du lịch • **dessert** /dɪ'zɜ:t/ [U]:



---Deepen your knowledge & speak good English---
“DeepenEnglish.com”

Unit 21,22

món tráng miệng <> **desert** /'dezət/ [U]: [C]: sa mạc • **litre** /'li:tə/ [C]: lít • **wheat** /wi:t/ [U]: lúa mì • **flour** /'flaʊə/ [U]: bột • **spaghetti** /spə'geti/ [U]: món mỳ Ý • **degree** /di'gri:/ [C]: độ/cấp độ/học vị; • Celsius/'selsiəs/ • **beach** /bi:tʃ/ [C]: bãi biển <> **bitch** /bitʃ/ [C]: chó cái • **recess** /rɪ'ces/ [U]: giờ giải lao/giờ nghỉ (cho học sinh nghỉ xen giữa tiết) • **game** /geɪm/ [C]: trò chơi/ 1 hiệp đấu • **channel** /'tʃænəl/[C]: kênh <điện tử, viễn thông> • **booth** /bu:ð/ US bu:θ/ [C]: buồng, quầy (nhỏ nhỏ) • **equal** /'i:kwəl/[Adj]: ngang bằng • **arrive** /ə'raɪv/ [Vi]: đến nơi xa ~in A: đ xa ~ at A: đ gần • **beef** /bi:f/ [U]: thịt bò • **pork** /pɔ:k/ [U]: thịt lợn • **start** /stɑ:t/ [Vi]: bắt đầu [Vt]: bắt đầu [U]: chỗ bắt đầu/sự bắt đầu; ~ business: khởi nghiệp ~ a business: khởi dựng một doanh nghiệp • **available** /ə'veɪləbl/ [adj]: hiện hữu/có mặt • **admit** /əd'mɪt/[Vt, Vi]: thừa nhận • **perfect** /'pɜ:fekt/ [adj]: hoàn hảo → perfectly: hết chỗ nói/ko chê vào đâu được/ nhất rồi [Vt]: hoàn thiện • **carpet** /'kɑ:pɪt/ [C]: tấm thảm • **toy** /tɔɪ/ [C]: đồ chơi • **mind** /maɪnd/ [Vt]: để tâm/chăm nom đến cái gì • **watch** /wɒtʃ/ [C]: đồng hồ đeo tay [Vt]: 1 xem (chuyển động) 2. Quan sát • **step** /step/ [C]: 1 bước chân /bậc thang → mind/watch the step/your head • **cross** /krɒs/ [C]: dấu bắt chéo/chữ thập [Vt]: cắt/đi ngang qua ai/cái gì [Vi]: cắt nhau [predict] ~ with sb: cáu giận với ai • **region** /'ri:dʒən/ [C]: vùng, miền • **fault** /fɒlt/ [C]: lỗi • **relax** /rɪ'læks/ [Vi]: nghỉ ngơi • **fortune** /'fɔ:tʃu:n/ [C]: may mắn, vận may, sự giàu có • **gasoline** /'gæsəli:n/ [U]: xăng Vt là gas (US) <> **petrol** /'petrəl/ [U]: xăng (UK) • **part-time** /,pɑ:t'taɪm/ [adj]: ~ job: việc bán thời gian • **kilo** /'ki:ləʊ/ [C]: Kg • **weigh** /wei/ [Vt; Vi]: cân nặng • **cost** /kɒst/ [Vi]: trị giá • **atmosphere** /'ætmə.sfiə/[U]: khí quyển, (bầu) không khí.

Dịch Việt - Anh

Một phút có 60 giây • Ta đi đâu đó vào cuối tuần này nhé? - Ý hay đấy • Nếu anh ấy không chịu lắng nghe tôi thì thôi không giúp được • Số tiền đầy đủ cho chuyến đi này • Tiếng Anh cô ta đủ tốt để tìm một công việc • Tôi hi vọng chúng ta mãi là bạn bè • Ngày kia Lan đến đây • Tôi có hai cái điện thoại (di động) ở đây, anh lấy cái nào đều được • Anh phải đi ngay, nếu không anh sẽ bị muộn làm • Từ giờ trở đi anh phải cẩn thận • Chúng ta về nhà được chưa? - Chưa, Vẫn còn có vài việc phải làm • Có ai muốn đi với tôi không? • Bằng bất cứ giá nào các anh phải hoàn tất việc đó trước thứ 4 • Mày có hiểu không hay mày quá đần? Chẳng ai thích Tom lắm bởi vì anh ta quá phiền phức • Nếu mày mà nhìn bạn gái tao nữa, tao sẽ giết mày • Tôi mượn điện thoại của anh để gọi nhanh một cuộc có được không ạ? - Được chứ • Tôi không hút thuốc cũng không uống rượu • Em đi xuống nhà và tắt ti vi có được không? • Trung bình tôi ngủ 6 tiếng mỗi đêm • Đến trung tâm mua sắm bao xa? - 3 km từ nhà tôi tới đó.

giây: second /'sekənd/ [C]; viết tắt là sec • chuyến đi, hành trình: trip /trɪp/ [N] • phiền phức; khó chịu: annoying /ə'noɪɪŋ/ [Adj] • cuộc gọi: call [C]; gọi nhanh một cuộc → make a quick call • trung tâm mua sắm: mall /mɔ:l/ [C]



---Deepen your knowledge & speak good English---
 "DeepenEnglish.com"
